

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2018 /HNGĐ- ST

Ngày: 24/5/ 2018

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: bà Lâm Thị Chúc

Các hội thẩm: Ông Trương Đình Bắc và ông Đoàn Mạnh Quang

Đại diện VKSND huyện BÐ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Dạ Thảo –
chức vụ: Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My

Ngày 24 tháng 5 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018
về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 16/2018/QĐXX ST –HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị M - Sinh năm:1977 – có mặt;

Bị đơn: Ông Lê Thành L - Sinh năm: 1971 – có mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp TT, thị trấn TB, huyện BÐ, Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu xin ly hôn đề ngày 04/4/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn
bà Bà Lê Thị M trình bày: Bà M và Ông Lê Thành L tự nguyện sống chung với nhau
từ năm 2007 tại ấp TT, thị trấn TB, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước nhưng không làm
đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn.

Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau
bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi, vợ chồng đã
sống ly thân hơn một năm nay.

Về con chung: Bà M và ông L đã có 01 con chung tên Lê Thị Thanh H, sinh
ngày 09/3/2009, hiện cháu H đang ở với ông L.

Tài sản chung; nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Bà M yêu cầu Tòa án huyện BD giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Lê Thành L. Về con chung, Bà M yêu cầu giao con chung cho ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Lê Thành L trình bày: Ông L thừa nhận những lời trình bày trên của Bà M là đúng sự thật, ông L cho rằng ông và Bà M không còn tình cảm yêu thương nhau nữa, ông đồng ý ly hôn với Bà M và đồng ý nuôi con chung cho đến khi đủ 18 tuổi không yêu cầu Bà M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về phần con chung, tài sản chung và nợ chung.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp bất kỳ chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa:

Bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Ông L thay đổi ý kiến, yêu cầu Bà M cấp dưỡng nuôi con chung tùy theo khả năng thu nhập của Bà M.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng trình tự pháp luật quy định. Việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng của Thẩm phán phù hợp với quy định của Luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của Bà Lê Thị M thuộc trường hợp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bình Phước được quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị M và ông Lê Thành L tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 2007, tại ấp TT, thị trấn TB, huyện BD, tỉnh Bình Phước nhưng không làm đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Xét đây là hôn nhân không hợp pháp.

Tại phiên tòa Bà M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện BD giải quyết cho bà được ly hôn với ông L. Ông Lê Thành L đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy việc chung sống như vợ chồng giữa Bà Lê Thị M và ông Lê Thành L mà không có đăng ký kết hôn là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình qui định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo qui định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc đăng ký kết hôn không đăng ký theo qui định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Căn cứ thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC –BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao ,Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ Tư Pháp , hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội “ về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình”. Hội đồng xét xử cần tuyên bố Bà Lê Thị M và Ông Lê Thành L không phải là vợ chồng.

Về con chung: Tại phiên tòa Bà M yêu cầu giao 01 con chung tên Lê Thị Thanh H – sinh ngày: 09/3/2009 cho ông L được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, bà không cấp dưỡng nuôi con, ông L đồng ý nuôi con chung và ông yêu cầu Bà M phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng tùy vào thu nhập của bà. Bà M không đồng ý với lý do hiện tại bà chưa có công ăn việc làm nên không có thu nhập, khi nào bà có việc làm và thu nhập ổn định thì bà sẽ cấp dưỡng nuôi con sau, ông L đồng ý.

Xét thấy tại biên bản tự ghi lời khai ngày 15/5/2018 cháu H có nguyện vọng được ở với bố, Bà M đồng ý. Để đảm bảo được cuộc sống ổn định cũng như quyền lợi về mọi mặt của trẻ em vị thành niên đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H, phù hợp với qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận việc thỏa thuận trên của Bà Lê Thị M và Ông Lê Thành L. Giao con chung Lê Thị Thanh H – sinh ngày: 09/3/2009 cho ông L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm Bà Lê Thị M phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ

luật tố tụng dân sự; Điểm b, khoản 3 Nghị quyết số: 35/QH của Quốc hội và Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC –BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ Tư Pháp, hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội “ về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình” . Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” của nguyên đơn Bà Lê Thị M đối với bị đơn Ông Lê Thành L.

[1]. Tuyên bố: Bà Lê Thị M và Ông Lê Thành L không phải là vợ chồng.

[2]. Về con chung :

- Giao 01 con chung tên Lê Thị Thanh H – sinh ngày: 09/3/2009 cho ông L được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

[3]. Về án phí HNGĐST: Bà Lê Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà M đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện BĐ ngày 10/4/2018, theo biên lai số 0016870.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND thị trấn TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Thị Chức

